

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tiểu khu 3/2, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lê Xuân Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản H, B, xã C, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Lê Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2008 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, S, huyện Mai Sơn vào ngày 19/10/2008.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Q không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè xấu, không có trách nhiệm với gia đình, nghiện ma túy chị P đã hết lòng khuyên bảo nhưng anh Q ngày càng lún sâu, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống

nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị P, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị P, anh Q.

[2] Về con chung: Chị P, anh Q có 01 con chung là cháu Lê Thị Gia T, sinh ngày 14/02/2010. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, giao cháu Gia T cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P, anh Q xác nhận không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết xem xét. Nếu sau này có tranh chấp hoặc có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị P nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Lê Xuân Q nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Gia Tuệ, sinh ngày 14/02/2010 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia T cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Q được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị P, anh Q trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung cũng như nợ chung vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đỗ Thị P nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000153 ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, S;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga